

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2025/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm

LUẬT
GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Giám định tư pháp.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về người giám định tư pháp; tổ chức giám định tư pháp; trình tự, thủ tục giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp; chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp; quản lý nhà nước về giám định tư pháp; trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động giám định tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, Hội đồng giám định tư pháp.
- Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.
- Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Giám định tư pháp* là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của người trưng cầu giám định tư pháp hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo quy định của Luật này.

2. *Giám định viên tư pháp* là người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp.

3. *Người trưng cầu giám định tư pháp* bao gồm cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

4. *Người yêu cầu giám định tư pháp* là người có quyền tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị người trưng cầu giám định tư pháp trưng cầu giám định mà không được chấp nhận. Người yêu cầu giám định tư pháp bao gồm đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội.

5. *Người giám định tư pháp* bao gồm giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc.

6. *Người giám định tư pháp theo vụ việc* là người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được người trưng cầu giám định tư pháp trực tiếp trưng cầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 14 của Luật này.

7. *Quy trình giám định* là tập hợp các bước được sắp xếp theo tuần tự để người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp thực hiện việc giám định tư pháp trong một lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành cụ thể.

8. *Quy chuẩn chuyên môn giám định* là các quy định pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, các loại quy trình, định mức khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành trong từng lĩnh vực giám định tư pháp.

9. *Tổ chức giám định tư pháp* bao gồm tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và Văn phòng giám định tư pháp.

10. *Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc* là tổ chức đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được người trưng cầu giám định tư pháp trực tiếp trưng cầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật này.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo trình tự, thủ tục giám định, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ.

2. Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời.

3. Độc lập trong quá trình thực hiện giám định, đưa ra kết luận giám định tư pháp.

4. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được trưng cầu, yêu cầu.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

Điều 5. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp

1. Cá nhân, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu thực hiện giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cá nhân, tổ chức khác có trách nhiệm tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp

1. Nhà nước đầu tư, phát triển hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực có nhu cầu giám định lớn, thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của hoạt động tố tụng; có chính sách ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc hoặc tổ chức khác khi tham gia hoạt động giám định tư pháp.

2. Nhà nước có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với người giám định tư pháp.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động giám định tư pháp

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp trong phạm vi toàn quốc.

2. Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm giúp Chính phủ quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

4. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nội dung quản lý nhà nước về giám định tư pháp như sau:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp;

b) Thành lập, củng cố, kiện toàn Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cho hoạt động giám định tư pháp của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;

c) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật và chuyên môn, nghiệp vụ giám định tư pháp cho đội ngũ người giám định tư pháp;

d) Quản lý, giám sát việc tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp; hoạt động dịch vụ giám định ngoài tổ tụng của các tổ chức giám định tư pháp công lập;

đ) Thống kê, đánh giá hoạt động giám định tư pháp; xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu về giám định tư pháp có tính kết nối, chia sẻ dữ liệu;

e) Tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp;

g) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về giám định tư pháp;

h) Tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ hằng năm.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm quản lý nhà nước về giám định tư pháp tại địa phương theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động giám định tư pháp

1. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương:

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao ban hành quy định cụ thể về trung cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự;

b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự gắn với thống kê tội phạm.

Toà án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, hành chính;

c) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời chi phí giám định tư pháp đối với tổ chức, cá nhân thực hiện

giám định ngoài khu vực nhà nước, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, cơ quan có liên quan tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về giám định tư pháp và nghiệp vụ trung cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định cho đội ngũ người tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Kiểm tra việc thực hiện trung cầu, yêu cầu giám định; dự toán, cấp phát kinh phí chi trả chi phí giám định, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định, thực hiện thống kê và các nhiệm vụ khác về giám định tư pháp của hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, cơ quan có liên quan giải quyết vướng mắc, khó khăn về giám định tư pháp trong giai đoạn hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành mình;

g) Hằng năm, tổng kết và báo cáo tình hình trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, dự báo nhu cầu giám định; dự toán kinh phí, cấp phát, chi trả chi phí giám định trong hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý báo cáo Quốc hội gắn với báo cáo công tác tư pháp và gửi Bộ Tư pháp;

h) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc bố trí vị trí của người giám định tư pháp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

2. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh, thành phố:

a) Thực hiện thống kê về trung cầu, yêu cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền phụ trách ở địa phương theo quy định của cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương;

b) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả đầy đủ, kịp thời chi phí giám định tư pháp đối với tổ chức, cá nhân thực hiện giám định ngoài khu vực nhà nước, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định của cơ quan tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương theo quy định của pháp luật ngân sách và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Kiểm tra việc thực hiện trung cầu, yêu cầu giám định; dự toán, cấp phát kinh phí chi trả chi phí giám định, chi phí tham gia tố tụng, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định, thực hiện thống kê và các nhiệm vụ khác về giám định tư pháp của hệ thống cơ quan tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan có liên quan giải quyết vướng

mắc, khó khăn về giám định tư pháp trong giai đoạn hoạt động tổ tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương;

đ) Hằng năm, tổng kết và báo cáo tình hình trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, dự báo nhu cầu giám định; dự toán kinh phí, cấp phát, chi trả chi phí giám định trong hoạt động tổ tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố gắn với báo cáo công tác tư pháp và gửi Sở Tư pháp.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm người trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Lợi dụng việc trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp để gây khó khăn, cản trở hoạt động tổ tụng;
- b) Nhận bất kỳ một khoản tiền, tài sản hoặc lợi ích nào từ cá nhân, tổ chức để làm sai lệch nội dung trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp;
- c) Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp;
- d) Xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật;
- đ) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghiêm cấm người giám định tư pháp thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Lợi dụng danh nghĩa giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc để trục lợi;
- b) Nhận bất kỳ khoản tiền hoặc lợi ích khác từ người trung cầu, yêu cầu giám định hoặc người khác có liên quan ngoài chi phí giám định, bồi dưỡng giám định theo quy định của pháp luật;
- c) Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi thực hiện giám định tư pháp gây ảnh hưởng đến hoạt động tổ tụng;
- d) Từ chối tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp, đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng hoặc cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp, ban hành kết luận giám định tư pháp;
- đ) Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật;
- e) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Nghiêm cấm tổ chức giám định tư pháp thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Nhận bất kỳ một khoản tiền, tài sản hoặc lợi ích nào từ người trung cầu, yêu cầu giám định hoặc người khác có liên quan ngoài khoản chi phí giám định, bồi dưỡng giám định theo quy định của pháp luật;
- b) Cản trở, gây khó khăn cho người giám định tư pháp trong việc thực hiện giám định;
- c) Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi thực hiện giám định tư pháp gây ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng;
- d) Đe dọa, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật;
- đ) Từ chối tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp, đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng hoặc cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp, ban hành kết luận giám định tư pháp;
- e) Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật;
- g) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Mục 1

GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

Điều 10. Tiêu chuẩn giám định viên tư pháp

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

- a) Có phẩm chất đạo đức tốt;
- b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên;
- c) Đã qua khoá bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp.

2. Trường hợp người đã trực tiếp giúp việc cho giám định viên tư pháp trong các lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là từ đủ 03 năm trở lên.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 1 Điều này đối với giám định viên tư pháp ở lĩnh vực chuyên môn thuộc

thẩm quyền quản lý.

Điều 11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương; cá nhân cư trú tại địa phương.

2. Những trường hợp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

- a) Người không đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này;
- b) Người bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- c) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;
- d) Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;
- đ) Công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc.

3. Giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này;
- b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
- c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm tại khoản 2 Điều 9 của Luật này;
- d) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp giám định viên tư pháp có nguyện vọng tiếp tục làm giám định tư pháp tại cơ quan, tổ

chức nơi giám định viên tư pháp đã làm việc và được sự đồng ý của cơ quan, tổ chức đó theo quy định của pháp luật;

đ) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được bổ nhiệm;

e) Không thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng giám định tư pháp hoặc không làm việc tại cơ quan, tổ chức trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

4. Giám định viên tư pháp được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân. Trường hợp giám định viên tư pháp đang làm việc tại các cơ quan, tổ chức thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức đó.

5. Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này có đề nghị bổ nhiệm lại và không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này thì được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp.

Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều này có đề nghị bổ nhiệm lại và không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này thì được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp sau 12 tháng kể từ ngày bị miễn nhiệm.

Người được miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 4 Điều này có đề nghị bổ nhiệm lại thì được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này.

6. Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp được cấp thẻ giám định viên tư pháp. Người có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.

7. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp

1. Quyền của giám định viên tư pháp:

a) Thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại Văn phòng giám định tư pháp hoặc cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật;

b) Thành lập, tham gia hội giám định viên tư pháp theo quy định của pháp luật về hội;

c) Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và pháp luật có liên

quan;

d) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này và các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của giám định tư pháp:

a) Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám định tư pháp quy định tại Luật này;

b) Tham gia khoá bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp hằng năm;

c) Thực hiện giám định theo trung cầu, yêu cầu của người trung cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức được trung cầu, yêu cầu;

d) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 38 của Luật này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 13. Tiêu chuẩn của người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

2. Trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực, ngành nghề cần giám định thì cơ quan, tổ chức xem xét quyết định lựa chọn, công nhận người đó là người giám định tư pháp theo vụ việc và chịu trách nhiệm về việc quyết định này.

Điều 14. Công nhận, huỷ bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công nhận, huỷ bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố công nhận, huỷ bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương, cá nhân khác.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quyết định công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc. Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc là căn cứ để người trung cầu giám định tư pháp lựa chọn, quyết định việc trung cầu giám định.

Người trung cầu giám định tư pháp có thể yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giới thiệu cá nhân không thuộc danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc nhưng có đủ tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 13 của Luật này.

3. Trong trường hợp đặc biệt, người trung cầu giám định tư pháp có thể trung cầu cá nhân không thuộc danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc đã công bố nhưng có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này để thực hiện giám định. Người trung cầu giám định tư pháp nêu rõ lý do trong quyết định trung cầu và chịu trách nhiệm về việc trung cầu.

4. Những trường hợp không được công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:

- a) Người không đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này;
- b) Người thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 11 của Luật này.

5. Người giám định tư pháp theo vụ việc bị huỷ bỏ công nhận trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này;
- b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 2 Điều 11 của Luật này;
- c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm tại khoản 2 Điều 9 của Luật này;
- d) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc;
- đ) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được công nhận.

6. Người giám định tư pháp theo vụ việc được huỷ bỏ công nhận theo

nguyện vọng cá nhân. Trường hợp người giám định tư pháp theo vụ việc đang làm việc tại cơ quan, tổ chức thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức đó.

7. Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận, huỷ bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Quyền của người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Tham gia hội giám định viên theo điều lệ của hội giám định viên và quy định của pháp luật về hội;

b) Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này và các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám định, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ quy định tại Luật này;

b) Tham gia khoá bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp hằng năm;

c) Thực hiện giám định theo trung cầu, yêu cầu của người trung cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức được trung cầu, yêu cầu;

d) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 38 của Luật này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Mục 1

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

Điều 16. Tổ chức giám định tư pháp công lập

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự. Tổ chức giám định tư pháp công lập có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, quyết định thành lập hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực khác.

2. Tổ chức giám định tư pháp công lập thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của người trung cầu giám định tư pháp, yêu cầu của người yêu cầu giám định tư pháp theo quy định của Luật này và dịch vụ giám định ngoài tổ tụng theo trung cầu, yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan ngang bộ khác và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định cụ thể việc thực hiện dịch vụ giám định ngoài tổ tụng của tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 17. Hệ thống, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức giám định tư pháp công lập

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y bao gồm:

- a) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Y tế;
- b) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Quốc phòng;
- c) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Công an;
- d) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, quyết định thành lập, giải thể tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố theo yêu cầu thực tế tại địa phương.

2. Tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y tâm thần thuộc Bộ Y tế.

3. Tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự bao gồm:

- a) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Công an;
- b) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Quốc phòng;
- c) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- d) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Công an tỉnh, thành phố.

4. Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thực hiện giám định về âm thanh, kỹ thuật số và điện tử.

Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Công an tỉnh, thành phố quy định tại điểm d khoản 3 Điều này được thực hiện giám định pháp y tử thi và giám định pháp y thương tích.

5. Chính phủ quy định chi tiết hệ thống, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức giám định tư pháp công lập quy định tại khoản 1, khoản 2, các điểm a, b và d khoản 3 Điều này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Mục 2

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 18. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc phải có đủ điều kiện sau đây:

- a) Có tư cách pháp nhân;
- b) Có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ở lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;
- c) Có kinh nghiệm hoạt động chuyên môn hoặc chuyên ngành giám định từ đủ 05 năm trở lên;
- d) Có đội ngũ cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

2. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định theo quy định của Luật này. Người đứng đầu tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết khoản 1 Điều này đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 19. Công nhận, huỷ bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công nhận, huỷ bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đối với cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố công nhận, huỷ bỏ công nhận tổ

chức giám định tư pháp theo vụ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở tại tỉnh, thành phố; tổ chức trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trụ sở tại tỉnh, thành phố.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quyết định công nhận danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc. Danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc là căn cứ để người trung cầu giám định tư pháp lựa chọn, quyết định việc trung cầu giám định.

Người trung cầu giám định tư pháp có thể yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giới thiệu tổ chức không thuộc danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc nhưng có đủ tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 18 của Luật này để thực hiện giám định.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ thực hiện giám định tư pháp theo trung cầu của người trung cầu giám định tư pháp sau khi người trung cầu giám định đã trung cầu tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được công nhận trong danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc nhưng tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thuộc trường hợp từ chối hoặc không được thực hiện giám định tư pháp theo quy định tại Điều 38 của Luật này.

Trong trường hợp đặc biệt, người trung cầu giám định tư pháp có thể trung cầu tổ chức không thuộc danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã công bố nhưng có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này để thực hiện giám định. Người trung cầu giám định nêu rõ lý do trong quyết định trung cầu và chịu trách nhiệm về việc trung cầu.

4. Các trường hợp hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc:

- a) Không còn đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;
- b) Bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm tại khoản 3 Điều 9 của Luật này.

5. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Mục 3

VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 20. Văn phòng giám định tư pháp

1. Văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh theo quy định của Luật này và quy định

khác của pháp luật có liên quan.

2. Văn phòng giám định tư pháp được thành lập và đăng ký hoạt động trong các chuyên ngành cổ vật, di vật, bản quyền tác giả, ADN, tài liệu, kỹ thuật số và điện tử, dấu vết đường vân và các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, tài nguyên, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Văn phòng giám định tư pháp không được thực hiện giám định tư pháp đối với các chuyên ngành ADN, tài liệu, kỹ thuật số và điện tử, dấu vết đường vân trong tổ tụng hình sự, trừ trường hợp được người trung cầu giám định tư pháp trung cầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật này.

4. Trưởng Văn phòng giám định tư pháp là người đại diện theo pháp luật của Văn phòng giám định tư pháp, thực hiện việc quản lý và điều hành hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp. Trưởng Văn phòng giám định tư pháp phải là giám định viên tư pháp.

5. Tên của Văn phòng giám định tư pháp bao gồm cụm từ “Văn phòng giám định tư pháp” và tên riêng bằng tiếng Việt do các thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh thỏa thuận lựa chọn hoặc giám định viên tư pháp là Trưởng Văn phòng của Văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân lựa chọn.

6. Văn phòng giám định tư pháp được thành lập và đăng ký hoạt động khi có đủ điều kiện sau đây:

- a) Trưởng Văn phòng giám định tư pháp là giám định viên tư pháp có từ đủ 03 năm trở lên trong lĩnh vực đề nghị thành lập Văn phòng;
- b) Có Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

Văn phòng giám định tư pháp được hoạt động, giám định viên tư pháp của Văn phòng giám định tư pháp được thực hiện giám định kể từ ngày Văn phòng giám định tư pháp được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố cấp giấy đăng ký hoạt động.

7. Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

- a) Văn phòng giám định tư pháp đề nghị chấm dứt hoạt động;
- b) Văn phòng giám định tư pháp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động;
- c) Văn phòng giám định tư pháp bị hợp nhất, bị sáp nhập.

8. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan quân đội nhân dân, sĩ quan công an nhân dân không được thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

9. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập và đăng ký hoạt động, nội dung của Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại giấy đăng ký hoạt động, tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, việc đăng báo nội dung đăng ký hoạt động, chấm dứt hoạt động, hợp nhất, sáp nhập Văn phòng giám định tư pháp.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của Văn phòng giám định tư pháp

1. Văn phòng giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ giám định tư pháp theo trung cầu, yêu cầu của người trung cầu giám định tư pháp hoặc theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

b) Thỏa thuận với người yêu cầu giám định tư pháp về việc áp dụng một, một số hoặc toàn bộ quy định về trình tự, thủ tục giám định tư pháp của Luật này khi thực hiện giám định ngoài tổ tụng;

c) Cử giám định viên tư pháp thực hiện việc giám định tư pháp;

d) Ký hợp đồng lao động với giám định viên tư pháp và người lao động khác làm việc cho tổ chức theo quy định của pháp luật;

đ) Thu chi phí giám định tư pháp và các chi phí khác theo quy định của pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện giám định tư pháp theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám định tư pháp quy định tại Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Tuân thủ quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về kết luận giám định khi thực hiện giám định tư pháp;

c) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đội ngũ giám định viên tư pháp của tổ chức mình;

d) Bồi thường thiệt hại khi thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

đ) Báo cáo Sở Tư pháp nơi tổ chức có trụ sở về tổ chức, hoạt động hằng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu;

e) Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 22. Quyền, nghĩa vụ của người trưng cầu giám định tư pháp

1. Người trưng cầu giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Trưng cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp để thực hiện giám định;

b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trả kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn đã yêu cầu;

c) Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người trưng cầu giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Ra quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;

b) Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong quyết định trưng cầu đối với vụ án, vụ việc đang giải quyết; nội dung trưng cầu phải cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng cần giám định;

c) Lựa chọn cá nhân, tổ chức có năng lực, đủ điều kiện thực hiện giám định phù hợp với tính chất, nội dung cần giám định để ra quyết định trưng cầu giám định;

d) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan (nếu có) đến đối tượng, nội dung cần giám định ngay khi ban hành quyết định trưng cầu giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật (nếu có) do mình cung cấp;

đ) Tạm ứng, thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trưng cầu người giám định tư pháp không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động;

e) Thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ án, vụ việc;

g) Thông báo bằng văn bản cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp biết việc đình chỉ giải quyết vụ án để dừng việc thực hiện giám định;

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tư pháp

1. Người yêu cầu giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trả kết luận

giám định đúng thời hạn đã thỏa thuận và theo nội dung đã yêu cầu;

b) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp giải thích kết luận giám định;

c) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày kết luận giám định;

d) Yêu cầu người trung cầu giám định tư pháp trung cầu giám định lại, giám định bổ sung theo quy định tại Điều 32 của Luật này;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người yêu cầu giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật do mình cung cấp;

b) Nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp khi nhận kết luận giám định;

c) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp trong hoạt động giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người trung cầu giám định tư pháp, người yêu cầu giám định tư pháp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định;

b) Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;

c) Sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm, kết luận chuyên môn hoặc kết luận giám định do cá nhân, tổ chức khác đã thực hiện phục vụ cho việc giám định;

d) Độc lập đưa ra kết luận giám định.

đ) Đề nghị người trung cầu giám định tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp, người thân thích của người giám định tư pháp khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ án, vụ việc;

e) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật này;

- g) Được bố trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa;
- h) Được hưởng thù lao, tiền bồi dưỡng giám định, tiền bồi dưỡng tham dự phiên tòa và chi phí cần thiết cho việc tham dự phiên tòa theo quy định của pháp luật;
- i) Được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với nội dung chuyên môn trong kết luận giám định, trừ trường hợp không tuân thủ trình tự, thủ tục giám định, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc cố ý làm sai lệch kết luận giám định;

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn giám định khi thực hiện giám định tư pháp;
- b) Thực hiện giám định theo đúng nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;
- c) Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu hoặc phải thông báo kịp thời cho người trưng cầu, yêu cầu giám định biết trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định;
- d) Lập hồ sơ giám định;
- đ) Bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan đã nhận và gửi trả lại cơ quan có thẩm quyền theo quy định;
- e) Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người trưng cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;
- g) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định do mình đưa ra;
- h) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật;
- i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức giám định tư pháp trong hoạt động giám định tư pháp

1. Tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu, yêu cầu giám định có các quyền sau đây:

- a) Yêu cầu người trưng cầu giám định tư pháp, người yêu cầu giám định tư pháp cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định;
- b) Phân công người giám định tư pháp thực hiện giám định;

c) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật này;

d) Được nhận tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi tiếp nhận trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp; được thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trả kết luận giám định;

đ) Đề nghị người trung cầu giám định tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích, uy tín, tài sản của tổ chức do tham gia vụ án, vụ việc;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức giám định tư pháp được trung cầu, yêu cầu giám định có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định theo đúng thời hạn, nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;

b) Bảo đảm thời gian, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định;

c) Thông báo bằng văn bản cho người trung cầu, người yêu cầu giám định trong trường hợp có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh trong quá trình thực hiện giám định;

d) Bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan đã nhận và gửi trả lại cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

đ) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người thực hiện giám định của tổ chức mình cố ý làm sai lệch kết luận giám định, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức;

e) Chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp do mình đưa ra;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trung cầu giám định tư pháp

1. Người trung cầu giám định tư pháp thực hiện trung cầu giám định đối với trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định theo quy định của pháp luật hoặc trường hợp chứng cứ, tài liệu được thu thập chưa làm rõ được vấn đề phải chứng minh mà cần có kết luận về chuyên môn để xem xét, đánh giá cùng cố chứng cứ hoặc quyết định việc tiến hành các hoạt động tố tụng tiếp theo.

Trường hợp chứng cứ, tài liệu được thu thập đã làm rõ những vấn đề phải chứng minh nhưng người trung cầu giám định tư pháp cần thêm thông tin chuyên môn để xem xét, đánh giá thì trao đổi trực tiếp, tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của tổ chức, cá nhân có liên quan mà không trung cầu giám định.

2. Người trung cầu giám định tư pháp quyết định trung cầu giám định tư pháp bằng văn bản và gửi quyết định trung cầu kèm theo đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan (nếu có) đến người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp. Trường hợp đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan (nếu có) không thể gửi kèm theo quyết định trung cầu thì người trung cầu giám định tư pháp có trách nhiệm làm thủ tục bàn giao cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp.

Người trung cầu giám định tư pháp chỉ trung cầu những nội dung, vấn đề chuyên môn; không yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định đối với các nội dung thuộc trách nhiệm của người trung cầu giám định tư pháp.

3. Quyết định trung cầu giám định có các nội dung chính sau đây:

- a) Tên, địa chỉ cơ quan trung cầu giám định; họ tên người có thẩm quyền trung cầu giám định;
- b) Tên, địa chỉ tổ chức; họ tên người được trung cầu giám định;
- c) Tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định;
- d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);
- đ) Nội dung yêu cầu giám định;
- e) Ngày, tháng, năm trung cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định.

4. Trường hợp trung cầu giám định bổ sung hoặc trung cầu giám định lại thì quyết định trung cầu giám định phải ghi rõ là trung cầu giám định bổ sung hoặc trung cầu giám định lại và nêu rõ lý do.

5. Trong trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trung cầu giám định, người trung cầu giám định tư pháp trao đổi với người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp dự kiến được trung cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trung cầu, thời hạn giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan và các vấn đề khác (nếu có).

6. Trường hợp nội dung cần giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp thì người trung cầu giám định phải tách riêng từng nội dung để trung cầu tổ chức giám định tư pháp có chuyên môn phù hợp.

Trường hợp nội dung giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn có quan hệ mật thiết với nhau, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả giám định hoặc kéo dài thời gian giám định thì người trung cầu giám định tư pháp phải xác định nội dung chính cần

giám định để quyết định trưng cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì, tổ chức giám định tư pháp phối hợp trong việc thực hiện giám định. Tổ chức giám định tư pháp chủ trì thực hiện giám định có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức triển khai việc giám định chung, thực hiện giám định phần nội dung chuyên môn của mình và ban hành kết luận giám định.

7. Trường hợp phát sinh vướng mắc trong việc trưng cầu, phối hợp thực hiện giám định, người trưng cầu giám định tư pháp chủ trì, phối hợp với người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu để giải quyết.

Điều 27. Yêu cầu giám định tư pháp trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự

1. Người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu giám định kèm theo đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan (nếu có) và bản sao giấy tờ chứng minh mình là đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ đến người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp.

2. Trong trường hợp đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan (nếu có) đang do cơ quan có thẩm quyền giữ thì người yêu cầu giám định có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp để thực hiện giám định.

3. Văn bản yêu cầu giám định tư pháp phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên tổ chức hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;
- b) Nội dung yêu cầu giám định;
- c) Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;
- d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);
- đ) Ngày, tháng, năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;
- e) Chữ ký, họ, tên người yêu cầu giám định.

Điều 28. Tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp tỉnh, thành phố, tổ chức giám định tư pháp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trụ sở tại tỉnh, thành phố có trách nhiệm tiếp nhận trưng cầu giám định tư pháp do người trưng cầu giám định tư pháp tỉnh, thành phố, khu vực trưng cầu hoặc người trưng cầu giám định tư pháp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trưng cầu.

2. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tiếp nhận trung cầu giám định do người trung cầu giám định tư pháp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Toà án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trung cầu hoặc do người trung cầu giám định tư pháp tỉnh, thành phố, khu vực trung cầu trong trường hợp giám định vụ việc liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố, giám định lại vụ việc mà người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp tỉnh, thành phố đã thực hiện, hoặc trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có văn bản thông báo đồng ý tiếp nhận trung cầu giám định do người trung cầu giám định tư pháp tỉnh, thành phố, khu vực trung cầu.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp, người giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận trung cầu và thông báo bằng văn bản cho người trung cầu, người yêu cầu giám định; tổ chức giám định tư pháp phải phân công người có trình độ chuyên môn, khả năng nghiệp vụ phù hợp với nội dung trung cầu, yêu cầu giám định và thông báo bằng văn bản cho người trung cầu, người yêu cầu giám định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người đứng đầu tổ chức giám định tư pháp được trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định trong trường hợp có từ hai người trở lên thực hiện vụ việc giám định.

4. Trong trường hợp trung cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì, tổ chức giám định tư pháp phối hợp trong việc thực hiện giám định quy định tại khoản 6 Điều 26 của Luật này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trung cầu giám định, tổ chức giám định tư pháp phối hợp phải có văn bản cử người giám định gửi cho tổ chức giám định tư pháp chủ trì việc thực hiện giám định và người trung cầu giám định tư pháp; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cử người của tổ chức giám định tư pháp phối hợp, tổ chức giám định tư pháp chủ trì có trách nhiệm tiếp nhận trung cầu và thông báo bằng văn bản cho người trung cầu, người yêu cầu giám định; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc giám định tư pháp trong trường hợp này được thực hiện theo hình thức giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau quy định tại khoản 4 Điều 31 của Luật này.

5. Trong trường hợp nội dung giám định đồng thời thuộc lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thì cơ quan, tổ chức được trung cầu giám định trước theo quyết định trung cầu có trách nhiệm tiếp nhận trung cầu giám định.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành danh mục lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định thuộc thẩm quyền quản lý và trình tự, thủ tục tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định.

Cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ quản lý về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định ban hành danh mục lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định thuộc thẩm quyền quản lý và trình tự, thủ tục tiếp nhận trung cầu, thực hiện giám định.

Điều 29. Giao nhận hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định

1. Hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định được giao, nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính.

2. Việc giao, nhận trực tiếp hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định phải được lập thành biên bản. Biên bản giao, nhận phải có nội dung sau đây:

- a) Thời gian, địa điểm giao, nhận hồ sơ giám định;
- b) Họ, tên người đại diện của bên giao và bên nhận đối tượng giám định;
- c) Quyết định trung cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định và thành phần hồ sơ trung cầu giám định; đối tượng cần giám định; tài liệu, đồ vật có liên quan;
- d) Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;
- đ) Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;
- e) Chữ ký của người đại diện bên giao và bên nhận đối tượng giám định.

3. Việc gửi hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định qua đường bưu chính phải được thực hiện theo hình thức gửi dịch vụ có số hiệu. Cá nhân, tổ chức nhận hồ sơ được gửi theo dịch vụ có số hiệu có trách nhiệm bảo quản, khi mở niêm phong phải lập biên bản theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Việc gửi hồ sơ trung cầu, yêu cầu giám định bằng văn bản điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về việc gửi, nhận văn bản điện tử.

4. Đối với việc giao, nhận đối tượng giám định pháp y, pháp y tâm thần là con người thì người trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cá nhân, tổ chức được trung cầu giám định bố trí lực lượng chuyên trách quản lý đối tượng giám định trong quá trình thực hiện giám định theo quy định của Chính phủ.

5. Sau khi ban hành kết luận giám định tư pháp, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định sau giám định cho người trung cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định

khác. Người trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm nhận lại đối tượng giám định sau giám định theo quy định của pháp luật. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau giám định thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 30. Thời hạn giám định tư pháp

1. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này tối đa là 02 tháng; trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 03 tháng; trường hợp vụ việc giám định đặc thù, đặc biệt phức tạp thì thời hạn giám định thực hiện theo quy định của Chính phủ. Thời hạn giám định tư pháp có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trưng cầu giám định nhưng không quá thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định, thời hạn giám định tối đa nêu tại khoản này để quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể.

3. Thời điểm tính thời hạn giám định tư pháp là từ ngày người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp nhận được quyết định trưng cầu giám định kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan (nếu có).

4. Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu giám định tư pháp bổ sung hồ sơ, tài liệu trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc xác định được việc cần bổ sung thông tin, tài liệu. Người trưng cầu giám định tư pháp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan (nếu có) trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp. Thời gian từ khi người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị đến khi nhận được hồ sơ, tài liệu bổ sung không tính vào thời hạn giám định.

5. Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người trưng cầu giám định và thời gian dự kiến hoàn thành, ban hành kết luận giám định.

Điều 31. Giám định cá nhân, giám định tập thể

1. Giám định cá nhân là việc giám định do một người thực hiện. Giám định

tập thể là việc giám định do từ hai người trở lên thực hiện.

2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì người giám định tự pháp thực hiện việc giám định ký vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định đó.

3. Trong trường hợp giám định tập thể về một lĩnh vực hoặc chuyên ngành chuyên môn thì những người giám định tự pháp ký vào bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó.

Trường hợp có ý kiến, kết luận chuyên môn khác nhau giữa những người thực hiện giám định, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức được trưng cầu giám định có trách nhiệm tổ chức họp chuyên môn đối với những người thực hiện giám định do mình phân công hoặc cử thực hiện để trao đổi, thảo luận, nêu ý kiến về chuyên môn, nghiệp vụ của vấn đề cần giám định và thống nhất ý kiến, kết luận chuyên môn.

Trường hợp không thống nhất được ý kiến, kết luận chuyên môn thì kết luận giám định được quyết định theo đa số; trường hợp ý kiến, kết luận chuyên môn bằng nhau thì kết luận giám định được quyết định theo ý kiến của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức được trưng cầu giám định. Ý kiến, kết luận chuyên môn khác với kết luận giám định được bảo lưu, ghi riêng trong bản kết luận giám định. Người thực hiện giám định có ý kiến, kết luận chuyên môn khác với kết luận giám định chịu trách nhiệm về ý kiến, kết luận chuyên môn đó.

4. Trường hợp giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm cá nhân về phần kết luận giám định đó.

Điều 32. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có nghi ngờ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật này. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định lại được thực hiện như giám định lần đầu.

3. Người trưng cầu giám định tự mình hoặc theo đề nghị của người yêu cầu giám định quyết định việc trưng cầu giám định lại. Trường hợp người trưng cầu giám định không chấp nhận yêu cầu giám định lại thì phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 33. Hội đồng giám định tư pháp

1. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định thì việc giám định lại lần thứ hai do người trưng cầu giám định quyết định. Việc giám định lại lần thứ hai phải do Hội đồng giám định tư pháp thực hiện.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực chuyên môn về lĩnh vực cần giám định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định thành lập Hội đồng giám định để thực hiện giám định lại lần thứ hai và có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định. Hội đồng giám định gồm có ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Hội đồng giám định hoạt động theo cơ chế giám định tập thể quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này.

2. Việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt của Hội đồng giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Điều 34. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản toàn bộ quá trình thực hiện vụ việc giám định.

2. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp nêu rõ tình trạng đối tượng gửi giám định và thông tin, tài liệu có liên quan gửi kèm theo làm căn cứ để thực hiện giám định, thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, phương pháp thực hiện giám định, kết quả thực hiện, có chữ ký của người giám định tư pháp, dấu của tổ chức giám định tư pháp và được lưu trong hồ sơ giám định.

3. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 35. Kết luận giám định tư pháp

1. Kết luận giám định tư pháp phải bằng văn bản, bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Họ, tên người giám định tư pháp; tổ chức thực hiện giám định tư pháp;
- b) Tên người trưng cầu giám định tư pháp; số văn bản trưng cầu giám định tư pháp hoặc họ, tên người yêu cầu giám định tư pháp;
- c) Thông tin xác định đối tượng giám định;
- d) Thời gian nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;
- đ) Nội dung yêu cầu giám định;
- e) Phương pháp thực hiện giám định;

g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

2. Trong trường hợp trung cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện giám định tư pháp thì bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp. Việc sử dụng chữ ký số trong kết luận giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trường hợp trung cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định tư pháp thì ngoài chữ ký, họ, tên của người giám định, người đứng đầu tổ chức còn phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và tổ chức được trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp.

Trường hợp Hội đồng giám định tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này thực hiện giám định thì ngoài chữ ký, họ, tên của người giám định, người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.

Trường hợp trung cầu tổ chức giám định chủ trì, tổ chức giám định phối hợp trong việc thực hiện giám định quy định tại khoản 6 Điều 26 của Luật này thì ngoài chữ ký, họ, tên của người giám định, người đứng đầu tổ chức giám định chủ trì và tổ chức giám định phối hợp còn phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định.

3. Trong trường hợp việc giám định được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự mà việc giám định được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục giám định, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn giám định theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng kết luận giám định đó như kết luận giám định tư pháp.

4. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi xem xét, đánh giá, sử dụng kết luận giám định phải bảo đảm thống nhất, phù hợp với các chứng cứ khác có liên quan đến vụ án, vụ việc. Trường hợp các kết luận giám định khác nhau về cùng một nội dung, trong đó đã có kết luận giám định lại trong trường hợp quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng hình sự, mà các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn không thống nhất được về việc sử dụng kết luận giám định làm căn cứ để giải quyết vụ án, vụ việc thì cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án, vụ việc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và quyết định việc sử dụng kết luận giám định tư pháp trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Các tiêu chí đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp bao gồm:

a) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người giám định;

- b) Phương pháp, quy trình thực hiện giám định;
 - c) Trang thiết bị, phương tiện chuyên dụng sử dụng thực hiện giám định;
 - d) Sự độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định.
6. Kết luận giám định tư pháp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 36. Đình chỉ việc thực hiện giám định

1. Trường hợp không cần đến kết luận giám định tư pháp cho việc giải quyết vụ án, vụ việc thì người trung cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp về việc đình chỉ việc thực hiện giám định và nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của người trung cầu, yêu cầu giám định, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp chấm dứt việc thực hiện giám định và ghi nhận nội dung này trong văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định.

3. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được chi trả chi phí giám định tư pháp, tiền bồi dưỡng giám định tư pháp và chi phí khác có liên quan đối với các công việc đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp do người thực hiện giám định tư pháp lập bao gồm:

- a) Quyết định trung cầu, văn bản yêu cầu giám định và tài liệu kèm theo (nếu có);
- b) Biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trung cầu, yêu cầu giám định;
- c) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định;
- d) Bản ảnh giám định (nếu có);
- đ) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện (nếu có);
- e) Tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (nếu có);
- g) Kết luận giám định tư pháp.

2. Hồ sơ giám định tư pháp phải được lập theo mẫu thống nhất.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm quy định chi tiết thành phần hồ sơ từng loại việc giám định và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

Việc lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp bằng điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp do người giám định thuộc tổ chức mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

Người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định tư pháp cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

4. Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của người trưng cầu giám định tư pháp giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

Điều 38. Các trường hợp từ chối giám định tư pháp, không được thực hiện giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được từ chối thực hiện giám định trong các trường hợp sau:

a) Nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn của người, tổ chức được trưng cầu giám định;

b) Không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định;

c) Đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng;

d) Thời gian không đủ để thực hiện giám định;

đ) Tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Người, tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định tư pháp:

a) Thuộc trường hợp mà pháp luật về tố tụng quy định không được giám định;

b) Được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ án, vụ việc mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng;

d) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng cá nhân, tổ chức này không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định.

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Tương trợ tư pháp về giám định tư pháp

1. Việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện giám định tư pháp chỉ được thực hiện nếu đối tượng cần giám định đang ở nước ngoài hoặc khả năng chuyên môn, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện giám định của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong nước không đáp ứng được yêu cầu giám định.

2. Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước ngoài.

3. Trình tự, thủ tục, chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về giám định tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

Chương V

CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 40. Chi phí giám định tư pháp

1. Chi phí giám định tư pháp bao gồm một hoặc một số chi phí được xác định theo quy định của pháp luật về chi phí tố tụng. Việc thanh toán chi phí giám định tư pháp, chi phí giám định lại, chi phí giám định bổ sung được thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí tố tụng và pháp luật về ngân sách.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức giám định tư pháp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động khi thực hiện giám định theo quyết định trưng cầu của người trưng cầu giám định tư pháp, người có thẩm quyền trưng cầu theo quy định của pháp luật có trách nhiệm lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm lập dự toán, chi trả chi phí giám định khi trưng cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện giám định mà không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động.

3. Trường hợp tổ chức giám định tư pháp công lập thực hiện giám định ngoài tố tụng thì được thu, thanh toán, quyết toán chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều này và pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Trường hợp Văn phòng giám định tư pháp thực hiện giám định tư pháp thì được thu, thanh toán, quyết toán chi phí giám định theo quy định tại khoản 1 Điều này và theo khung giá dịch vụ giám định tư pháp do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực chuyên môn giám định quy định.

Điều 41. Chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp

1. Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, người giúp việc cho giám định viên tư pháp đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian thực hiện giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mô tử thi, khai quật tử thi được hưởng chế độ bồi dưỡng tiền giám định tư pháp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngoài chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này, giám định viên tư pháp, người giúp việc cho giám định viên tư pháp làm việc tại các tổ chức giám định tư pháp công lập được hưởng phụ cấp ưu đãi và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân là hoạt động công vụ. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm bảo đảm thời gian, các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

4. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có đóng góp tích cực cho hoạt động giám định tư pháp thì được tôn vinh, khen thưởng.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố căn cứ khả năng, điều kiện thực tế của Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương quy định chế độ, chính sách khác để hỗ trợ người giám định tư pháp, thu hút chuyên gia, tổ chức có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp.

Điều 42. Xử lý vi phạm trong hoạt động giám định tư pháp

1. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này và pháp luật có liên quan trong tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan công an, quân đội trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà có vi phạm quy định về trung cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định hoặc tiếp nhận, thực hiện giám định thì tùy mức độ vi phạm mà bị xử lý trách nhiệm công vụ, trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người giám định tư pháp là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức thực hiện giám định ở khu vực ngoài nhà nước mà có vi phạm trong quá trình tiếp nhận, thực hiện giám định, tham gia tố tụng với tư cách là cá nhân, tổ chức giám định thì tùy theo mức độ mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc trách nhiệm hình sự theo quy định.

Chương VI**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 136 như sau:

“1. Chi phí quy định tại điểm a, chi phí định giá tài sản tại điểm b, chi phí tại điểm c khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do Trung tâm này chi trả. Chi phí giám định tư pháp thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.”.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026.

2. Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 56/2020/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 45. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp, thẻ giám định viên tư pháp, quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được ban hành theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 56/2020/QH14 tiếp tục có hiệu lực.

2. Trường hợp hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

3. Cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp, cấp thẻ giám định viên tư pháp theo quy định của Luật này có thẩm quyền miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, thu hồi thẻ, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp đối với giám định viên tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp, cấp thẻ giám định viên tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 56/2020/QH14.

4. Trường hợp việc giám định đã được tiếp nhận, thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp tiếp tục thực hiện giám định, thanh toán chi phí giám định, bồi dưỡng giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa...,
Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm*

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI ✓

